

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2024

V/v Ly hôn, T/c nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Út

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Mua

Bà Nguyễn Thị Sương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Bị đơn:*** Anh Lê Thành P, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Ngọc H trình bày: Qua quen biết chị và anh P tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 03/12/2019. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh P không có trách nhiệm

với gia đình, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn làm mất hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị thấy không còn tình cảm với anh P, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh P

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 17/5/2021. Hiện nay con chung đang sống với anh P. Chị đồng ý giao con chung cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu khác.

- Anh Lê Thành P (Vắng mặt): Do anh P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của anh P.

- Tại phiên tòa, chị H và anh P vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc H là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần 2. Ngày 06/5/2024 chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hiếu

Anh Lê Thành P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P

[3] Về hôn nhân: Qua quen biết chị H và anh P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị H vợ chồng sống đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do anh P không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến làm mất hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh P để làm rõ yêu cầu ly hôn và yêu cầu về con chung của chị H nhưng anh P vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh Phước

Nay chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P. Chị H kiên quyết ly hôn với anh P. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P

[4] Về con chung:

Chị H trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 17/5/2021. Hiện nay cháu H1 đang sống với anh P. Chị đồng ý giao cháu H1 cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự lo cho con tùy theo khả năng của chị.

Tòa án đã triệu tập họp lệ anh P để làm rõ yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị H nhưng anh P vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh P. Từ khi chị H và anh P ly thân đến nay cháu H1 đều do anh P chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định về cuộc sống. Để đảm bảo ổn định cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý cho cháu.

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao cháu Lê Thị Ngọc H1 cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc H

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Thành P

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 17/5/2021 cho anh Lê Thành P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Ngọc H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013969 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Phạm Thị Ngọc H đã nộp xong.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**Đỗ Thị Út**